

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1660/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 05/11/2018

V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Đường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Lê Thị Tý**

2. Bà: **Bùi Diệu Huệ**

- Thư ký phiên tòa: Ông: **Trương Công Vũ** - Là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại: Trụ sở - Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1388/2018/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 366/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà: **Trần Thị H**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: đường T, Khu phố H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông: **Bùi Văn N**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: đường T, Khu phố H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trần Thị H và ông Bùi Văn N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đã được Ủy ban nhân dân Xã B, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 14, quyền số: 01, ngày 10 tháng 02 năm 2004.

Bà H và ông N sống hạnh phúc đến năm 2012, thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không ai tôn trọng ai, ai chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống. Từ đó, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị H đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn N.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn N.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống bà Trần Thị H và ông Bùi Văn N có 01 (một) con chung tên Bùi Trần Minh K, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2005. Bà Trần Thị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và không có yêu cầu ông Bùi Văn N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị H xin đề tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trần Thị H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã tổng đạt trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo về phiên hòa giải. Ông Bùi Văn N đã có mặt và đã cung cấp bản tự khai. Tuy nhiên, ông Bùi Văn N đã không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên hòa giải, nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị H và ông Bùi Văn N cũng không thỏa thuận được với nhau về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Bùi Văn N là hôn nhân hợp pháp, nhưng bà H cho rằng quan hệ hôn nhân giữa bà và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (ông Bùi Văn N) cư trú tại quận Bình Tân. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H, bà H cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau (mạnh ai ấy sống, không ai quan tâm đến ai). Từ đó, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn N.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Bùi Văn N không phản đối về những tình tiết, sự kiện mà bà Trần Thị H đã đưa ra như đã nêu trên là tình tiết, sự kiện bà Trần Thị H không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, đã có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ các nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Bùi Văn N là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của bà Trần Thị H về việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Bùi Trần Minh K, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2005 và không yêu cầu ông Bùi Văn N cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà H là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu K và các quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Trường hợp có yêu cầu cấp dưỡng cho con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị H xin để tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp có yêu cầu sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trần Thị H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp có yêu cầu sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.5. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Bùi Văn N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H và ông Bùi Văn N được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 71; Điều 72; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H với ông Bùi Văn N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Bùi Văn N. Giấy chứng nhận kết hôn số: 14, quyển số: 01, ngày 10 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Xã B, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Bùi Trần Minh K, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2005 cho bà Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận bà Trần Thị H không yêu cầu ông Bùi Văn N cấp dưỡng cho con.

Bà Trần Thị H và ông Bùi Văn N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Bùi Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Bà Trần Thị H và ông Bùi Văn N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị H xin đề tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp có yêu cầu sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

1.4. Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trần Thị H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp có yêu cầu sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

1.5. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0030351 ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Trần Thị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

1.6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H và ông Bùi Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)**

Lê Văn Đường